

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **651/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-11-2025

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 1, Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 482/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:375/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1984; Số định danh cá nhân: .; ĐKKHKT và cư trú: Thôn 1, xã ., tỉnh Phú Thọ, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1974; số CMND: .; ĐKKHKT và cư trú: Số . ngõ ., phường Hồng Hà, Hà Nội. ***Hiện đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, công an Thành phố Hà Nội,*** xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày:

Tôi và anh Trương Anh Tuấn kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/01/. tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, cách nuôi dạy con. Anh Tuấn không quan tâm đến gia đình, vợ con, mọi việc trong gia đình đều do tôi lo liệu. Năm 2019 tôi đưa 2 con về quê Phú Thọ sống cùng ông bà ngoại, vợ chồng tôi ly thân từ đó đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Tuấn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là Trương Mỹ ., sinh ngày 03/02/2011 và Trương Anh ., sinh ngày 01/4/.. Hiện hai con đang ở cùng tôi, các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tôi đang làm công nhân may tại Công ty Đức G (xã Giao Thủy, tỉnh Phú Thọ), mức lương từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng/1tháng. Mẹ con tôi đang sống

tại nhà của bố mẹ đẻ tôi, tôi được sự giúp đỡ của ông bà chăm sóc các cháu nên đảm bảo được chăm sóc con chung.

Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Tôi và anh T không có, ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Anh Tuấn trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn giữa tôi và chị G đúng như chị G trình bày. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh mắc nghiện ma túy đang đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện, nay chị G xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung là Trương Mỹ., sinh ngày 03/02/2011 và Trương Anh., sinh ngày 01/4/., ly hôn chị G xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý. Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Hà Nội phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của đương sự thực hiện đúng. TAND khu vực 1, Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thu thập, chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G, chị G được ly hôn anh Tuấn. Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Trương Mỹ., sinh ngày 03/2/2011 và Trương Anh., sinh ngày 01/4/., giao chị G trực tiếp nuôi cả 2 con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tuấn. Anh Tuấn được quyền chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Chị G phải nộp án phí. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].**Về tố tụng:** Anh Trương Anh T, đăng ký thường trú và cư trú tại: Số 33 ngõ 14 Vạn Kiếp, phường Hồng Hà, Hà Nội. Hiện đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, công an TP Hà Nội, căn cứ khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân khu vực 1, Hà Nội có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Anh Tuấn đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Tuấn, anh Tuấn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn.

[2] **Về nội dung:** Chị Bùi Thị G và anh Trương Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/01/. tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị G, anh Tuấn cùng xác nhận: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không thể đoàn tụ được. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị G xin ly hôn, anh Tuấn đồng ý.

Qua xác minh tại nơi cư trú của anh, chị và ý kiến của đại diện gia đình anh chị đều thể hiện: Quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn, chị G đã đưa 2 con về quê sống cùng ông bà ngoại từ năm 2019, anh chị ly thân từ đó đến nay.

Nay anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh Tuấn.

[3].**Về con chung:** Anh Tuấn, chị G có 02 con chung là Trương Mỹ ., sinh ngày 03/02/2011 và Trương Anh ., sinh ngày 01/4/.. Ly hôn anh chị nhất trí giao cả 2 con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con. Cháu ., cháu Dũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của anh, chị giao cả hai con chung của anh chị cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tuấn. Anh Tuấn được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4].**Về tài sản, nhà ở, công nợ chung:** Anh Tuấn, chị G cùng xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5].**Về án phí và quyền kháng cáo:** Chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị G. Chị Bùi Thị G được ly hôn anh Trương Anh T.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Trương Mỹ ., sinh ngày 03/02/2011 và Trương Anh ., sinh ngày 01/4/.. Giao chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tuấn đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Tuấn được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Anh Tuấn, chị G cùng xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010857 ngày 09/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, Hà Nội.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1, HN;
- PTHADS KV1, HN;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

